

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO GIÁ

Tên gói HHDV:

**“Thuê dịch vụ hạ tầng điện toán đám mây phục vụ triển khai
các sáng kiến số của VIAGS”**

Bên mời chào giá: Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2025

TỔ TRƯỞNG TỔ MUA SẮM

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Đặng Vĩnh Tài', written in a cursive style.

Đặng Vĩnh Tài

MỤC LỤC

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ	3
1. YÊU CẦU VỀ HÀNG HÓA/DỊCH VỤ	4
2. YÊU CẦU VỀ TƯ CÁCH NHÀ CUNG CẤP	5
3. YÊU CẦU CHÀO GIÁ	5
4. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ	5
4.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm	5
4.2. Tiêu chuẩn đánh giá về yêu cầu chất lượng:	6
5. CÁC YÊU CẦU KHÁC	7
5.1. Các quy định về chuẩn bị HSDX và nộp HSDX	7
5.2. Làm rõ HSDX	8
5.3. Đánh giá các HSDX	8
5.4. Điều kiện Nhà cung cấp được lựa chọn	9
5.5. Thông báo kết quả chào giá	9
5.6. Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng	9
5.7. Xử lý vi phạm	10
5.8. Các biểu mẫu	10
Mẫu số 1: ĐƠN CHÀO GIÁ	11
Mẫu số 2: GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾	12
Mẫu số 3: BIỂU GIÁ CHÀO	13
Mẫu số 4: BÁO CÁO HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN	14
Mẫu số 5: BIÊN BẢN CAM KẾT	15
Phụ lục 1: Yêu cầu kỹ thuật	16

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSYC	Hồ sơ yêu cầu chào giá
HSDX	Hồ sơ đề xuất
VNĐ	Đồng Việt Nam

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty

Hiện nay Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam có nhu cầu mua sắm gói HHDV “**Thuê dịch vụ hạ tầng điện toán đám mây phục vụ triển khai các sáng kiến số của VIAGS**” theo hình thức mua sắm chào giá.

VIAGS kính mời Quý Công ty tham gia chào giá gói HHDV này.

Thời gian phát hành Hồ sơ yêu cầu: Từ 09 giờ 00 ngày 04/11/2025.

Hạn cuối nộp hồ sơ đề xuất: 16 giờ 00 ngày 11/11/2025.

Địa điểm nộp hồ sơ đề xuất: Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam, Phòng Công nghệ thông tin, Tầng 4 Nhà điều hành Tòa nhà Điều hành VIAGS – sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.

Chi tiết xin liên hệ:

Ông: Phạm Tuấn Hiệp – Đội phó Phòng CNTT

Điện thoại: 0938756786

Email: hieppt@viags.vn

Xin cảm ơn và trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Tổ MS.

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔ TRƯỞNG TỔ MUA SẮM**



Đặng Vĩnh Tài

1. YÊU CẦU VỀ HÀNG HÓA/DỊCH VỤ

1.1 Nội dung, danh mục dịch vụ, số lượng:

	Danh mục HHDV	ĐVT	Số lượng
A	DỊCH VỤ		
I	Dịch vụ cloud		
1	Database server	Cái	1
2	Database server (UAT)	Cái	2
3	Application server	Cái	1
4	Web server	Cái	3
5	Mobile Gateway server	Cái	1
6	AD Server	Cái	1
7	Connector / Reporting server	Cái	1
8	IPv4	IP	10
II	Dịch vụ backup		
1	BaaS_VM01	Gói	8
2	BaaS_ST01	Gói	5
3	BaaS_ST02	Gói	3
4	BaaS_ST03	Gói	3
III	Dịch vụ An ninh thông tin (Security)		
1	Dịch vụ Cloud Firewall VCF 1 Gold Palo Alto - Số vCPU hỗ trợ: 2 - Bộ nhớ: 7 GB - Dung lượng ổ cứng: 60 GB - Thông lượng tường lửa (App-ID): 3 Gbps - Threat Prevention Throughput: 1,5 Gbps - IPsec VPN Throughput: 1 Gbps	Gói	2
2	Dịch vụ Cloud Firewall VCF02-Gold Fortinet - Số vCPU hỗ trợ: 2 - Bộ nhớ: 6 GB - Dung lượng ổ cứng: 60 GB - Thông lượng tường lửa thế hệ mới – NGFW Throughput: 1,3 Gbps - Threat Prevention Throughput: 0.9 Gbps - IPsec VPN Throughput: 1.6 Gbps	Gói	2
IV	Các dịch vụ khác		
1	vCPU	CPU	260
2	RAM (GB)	GiB	750

3	SSD	GiB	700
4	Object Storage	GiB	5500
5	Dịch vụ Cloudrity-WAF	Gói	1
6	MPLS	Kênh	1
V	Dịch vụ VHKT và bảo trì HT Cloud - Lớp OS		
1	Dịch vụ Vận hành khai thác lớp OS	VM	10
B	CHI PHÍ THIẾT LẬP		
1	Phí khởi tạo ban đầu	Gói	1
2	Phần mềm Windows Server 2025 Standard	License	10
3	Phần mềm SQL Server 2022 Standard	License	5

1.2 Yêu cầu, tiêu chuẩn hàng hóa/dịch vụ: theo Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật quy định tại Mục 4.2 HSYC.

1.3 Điều kiện, địa điểm, thời gian giao hàng: theo nội dung Yêu cầu quan trọng khác tại Mục 4.2 HSYC.

2. YÊU CẦU VỀ TƯ CÁCH NHÀ CUNG CẤP

2.1. Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy đăng ký hoạt động phù hợp, hợp pháp được cấp theo qui định của pháp luật (còn hiệu lực).

2.2. Không có tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi hoặc đang có vi phạm hợp đồng với Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam.

2.3. Không bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo Luật Đấu thầu.

3. YÊU CẦU CHÀO GIÁ

3.1. Giá chào là giá do Nhà cung cấp nêu trong Đơn chào giá sau khi trừ giá trị giảm giá ghi trong Thư giảm giá (nếu có).

3.2. Trường hợp Nhà cung cấp có Thư giảm giá thì có thể nộp cùng với HSDX hoặc nộp riêng song phải đảm bảo Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. Trường hợp Thư giảm giá nộp cùng với HSDX thì Nhà cung cấp phải thông báo cho Bên mời chào giá trước thời điểm hết hạn nộp HSDX hoặc phải có bảng kê thành phần HSDX trong đó có Thư giảm giá.

3.3. Biểu giá chào phải được ghi đầy đủ theo Mẫu số 3 Mục 5.8, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp, bao gồm đầy đủ các thành phần cấu thành nên giá chào (chi phí vận chuyển, thuế, phí) và cố định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.

3.4. Đồng tiền chào giá: Việt Nam đồng (VND).

4. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ

4.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt

STT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	Số năm hoạt động trong lĩnh vực điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin	≥ 05 năm	< 05 năm
2	Vốn điều lệ	≥ 4 tỷ đồng	< 4 tỷ đồng
3	Báo cáo thực hiện hợp đồng tương tự của Nhà cung cấp theo Mẫu số 4 Mục 5.8 (cung cấp bản sao y hợp đồng của nhà cung cấp) trong đó:		
	Có 01 hợp đồng Có 01 hợp đồng thực hiện trong 1 năm, có tổng giá trị hợp đồng ≥ 4.101.894.620 VND về cung cấp hàng hóa/dịch vụ về điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin trong 05 năm (từ tháng 11/2020 đến nay).	≥ 01 Hợp đồng	Không có Hợp đồng nào
	Hoặc có 02 hợp đồng trong cùng 01 năm, thực hiện trong tối đa 05 năm, có tổng giá trị hợp đồng ≥ 5.742.652.468 VND về cung cấp hàng hóa/dịch vụ về điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin trong 05 năm (từ tháng 11/2020 đến nay).	≥ 02 Hợp đồng	Không có Hợp đồng nào
	KẾT LUẬN	Đạt tất cả nội dung trên	Không đạt bất kỳ nội dung nào nêu trên

4.2. Tiêu chuẩn đánh giá về yêu cầu chất lượng:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
I	Yêu cầu Kỹ thuật		
	Các yêu cầu, tiêu chuẩn cụ thể của hàng hóa/dịch vụ chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm.	Cam kết đáp ứng	Không đáp ứng
II	Yêu cầu quan trọng khác		
1	Thời gian thực hiện hợp đồng: Cài đặt, bàn giao hệ thống và chạy thử nghiệm dịch vụ trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Thời gian thuê hàng hóa/dịch vụ là 36 tháng kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu, bàn giao.	Cam kết đáp ứng	Không đáp ứng
2	Địa điểm thực hiện: Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam (Sân bay Tân Sơn Nhất)	Cam kết đáp ứng	Không đáp ứng
3	Điều kiện thanh toán: Bên A (VIAGS) thanh toán cho Bên B (Đối tác) thành 03 đợt (12 tháng/đợt). - Việc thanh toán của mỗi đợt được thực hiện trong vòng 30 ngày làm việc tính từ ngày đầu tiên trong tháng thứ	Cam kết đáp ứng	Không đáp ứng

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
	<p>nhất của mỗi đợt và Bên B cung cấp đủ bộ chứng từ thanh toán hợp lệ.</p> <p>Hồ sơ thanh toán đợt 1 bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hóa đơn tài chính hợp lệ; + Biên bản nghiệm thu/bàn giao; + Giấy đề nghị thanh toán. <p>Hồ sơ thanh toán các đợt tiếp theo bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hóa đơn tài chính hợp lệ; + Biên bản xác nhận chất lượng hàng hóa/dịch vụ đợt trước; + Giấy đề nghị thanh toán. 		
	KẾT LUẬN	Đạt tất cả nội dung trên	Không Đạt bất kỳ nội dung nào nêu trên

5. CÁC YÊU CẦU KHÁC

5.1. Các quy định về chuẩn bị HSDX và nộp HSDX

5.1.1. Nội dung của HSDX

a) HSDX cũng như tất cả các văn bản, tài liệu trao đổi giữa Bên mời chào giá và Nhà cung cấp liên quan đến việc Chào giá phải được viết bằng tiếng Việt (đối với các CQĐV trong nước).

b) HSDX do Nhà cung cấp chuẩn bị bao gồm các nội dung sau:

- Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của Nhà cung cấp (Giấy đăng ký kinh doanh bản sao của nhà cung cấp hoặc bản công chứng/chứng thực);
 - Đơn chào giá theo Mẫu số 1 tại Mục 5.8 HSYC, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp (người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ);
 - Giấy ủy quyền (nếu có) tham khảo theo Mẫu số 2 Mục 5.8 HSYC;
 - Biểu giá chào tham khảo theo Mẫu số 3 Mục 5.8 HSYC;
 - Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp: Giới thiệu về Nhà cung cấp (nếu có); Báo cáo thực hiện hợp đồng tương tự (từ tháng 11/2020 đến nay) về cung cấp dịch vụ của Nhà cung cấp theo Mẫu số 4 Mục 5.8 (kèm bản sao y hợp đồng của nhà cung cấp); Các tài liệu khác chứng minh năng lực kinh nghiệm tại mục 4.1 HSYC; Bảng tuyên bố đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại mục 4.2 HSYC.
 - Dự thảo hợp đồng (nếu có)
 - Các tài liệu kỹ thuật (nếu có).

5.1.2. Thời gian có hiệu lực của HSDX

Thời gian có hiệu lực của HSDX là tối thiểu 30 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDX quy định tại mục 5.1.3 Điểm b.

5.1.3. Chuẩn bị và nộp HSDX

a) Hồ sơ đề xuất do Nhà cung cấp chuẩn bị phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được. Đơn chào giá, biểu giá chào, thư giảm giá (nếu có) và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX (nếu có) phải được đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp ký và đóng dấu (nếu có). Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký đơn chào giá) ở bên cạnh và được đóng dấu (nếu có).

b) Nhà cung cấp nộp HSDX đến Bên mời chào giá bằng cách gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc bằng fax nhưng phải đảm bảo Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX là **16 giờ 00 ngày 11 tháng 11 năm 2025**. HSDX của Nhà cung cấp gửi đến sau thời điểm hết hạn nộp HSDX là không hợp lệ và bị loại.

Địa điểm nộp HSDX: Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam, Phòng Công nghệ thông tin, Tầng 4 Nhà điều hành Tòa nhà Điều hành VIAGS – sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.

Người liên hệ: Ông: Phạm Tuấn Hiệp – Đội phó Phòng CNTT.

Điện thoại: 0938756786.

5.2. Làm rõ HSDX

5.2.1. Trong quá trình đánh giá HSDX, Bên mời chào giá có thể yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ nội dung của HSDX (kể cả việc làm rõ đơn giá khác thường) và bổ sung tài liệu trong trường hợp HSDX thiếu tài liệu (Giấy đăng ký kinh doanh, chứng chỉ chuyên môn phù hợp và các tài liệu khác) theo yêu cầu của HSYC với điều kiện không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá chào.

5.2.2. Việc làm rõ HSDX được thực hiện giữa Bên mời chào giá và Nhà cung cấp có HSDX cần phải làm rõ dưới hình thức trao đổi trực tiếp (Bên mời chào giá mời Nhà cung cấp đến gặp trực tiếp để trao đổi, những nội dung hỏi và trả lời phải lập thành văn bản) hoặc gián tiếp (Bên mời chào giá gửi văn bản yêu cầu làm rõ và Nhà cung cấp phải trả lời bằng văn bản). Trong văn bản yêu cầu làm rõ cần quy định thời hạn làm rõ của Nhà cung cấp. Nội dung làm rõ HSDX thể hiện bằng văn bản được Bên mời chào giá bảo quản như một phần của HSDX. Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà Bên mời chào giá không nhận được văn bản làm rõ hoặc Nhà cung cấp có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời chào giá thì Bên mời chào giá xem xét, xử lý theo các quy định của pháp luật hiện hành

5.3. Đánh giá các HSDX

Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo trình tự như sau:

5.3.1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDX, bao gồm:

- a) Thời gian nộp HSDX;
- b) Tư cách hợp lệ của Nhà cung cấp theo quy định tại Mục 2 (sau khi đã làm rõ hoặc bổ sung tài liệu theo yêu cầu của Bên mời chào giá);
- c) Tính hợp lệ (chữ ký, thời gian) trong các tài liệu như Đơn chào giá, Giấy ủy quyền (nếu có), Biểu giá chào;
- d) Hiệu lực của HSDX theo quy định tại Mục 5.1.2;
- e) Tính hợp lệ, sự phù hợp (đáp ứng) của hàng hóa/dịch vụ theo yêu cầu tại Mục 1;

HSDX của Nhà cung cấp sẽ bị loại bỏ và không được xem xét tiếp nếu Nhà cung cấp không đáp ứng một trong các nội dung nói trên.

5.3.2. Đánh giá năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp

Bên mời chào giá đánh giá năng lực, kinh nghiệm các Nhà cung cấp theo Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kinh nghiệm quy định tại Mục 4.1 và sử dụng phương pháp đánh giá theo tiêu chí “Đạt”, “Không đạt”. HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm khi tất cả các nội dung chi tiết về năng lực, kinh nghiệm được đánh giá là “Đạt”.

5.3.3. Đánh giá về kỹ thuật

Bên mời chào giá đánh giá theo các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Mục 4.2 HSYC đối với HSDX đáp ứng yêu cầu về tính hợp lệ và năng lực, kinh nghiệm. Việc đánh giá các yêu cầu về kỹ thuật được thực hiện bằng phương pháp theo tiêu chí “Đạt”, “Không đạt”. HSDX vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật khi tất cả yêu cầu về kỹ thuật đều được đánh giá là “Đạt”.

5.3.4. So sánh giá chào

a) Bên mời chào giá xác định giá chào sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) theo quy định tại Luật Đấu thầu và trừ giá trị giảm giá trong Thư giảm giá (nếu có) để tiến hành so sánh. HSDX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ giá trị giảm giá thấp nhất được xếp thứ nhất.

b) Trong trường hợp các Nhà cung cấp có giá chào so sánh (giá chào sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ giá trị giảm giá) ngang nhau, Bên mời chào giá sẽ xếp hạng Nhà cung cấp theo thứ tự ưu tiên về so sánh các điều kiện chào tốt hơn/có lợi hơn cho Bên mời chào giá như: điều kiện thanh toán; đặc tính kỹ thuật, chất lượng hàng hóa/dịch vụ; quy mô, năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp; các điều kiện khác có lợi hơn cho bên thứ ba thụ hưởng hàng hóa/dịch vụ (nội dung khuyến khích Nhà cung cấp chào các điều kiện có lợi hơn quy định tại Biểu giá chào Mẫu số 3 Mục 5.8

5.4. Điều kiện Nhà cung cấp được lựa chọn

Nhà cung cấp được đề nghị chọn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có HSDX hợp lệ và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, điều kiện thanh toán và giao hàng (nếu có) như trong HSYC;
- Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là Nhà cung cấp chính và không vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
- Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá thấp nhất và không vượt giá gói hàng hóa/dịch vụ được duyệt.

5.5. Thông báo kết quả chào giá

Sau khi có văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn NCC, Bên mời chào giá gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn NCC đến tất cả các Nhà cung cấp tham gia nộp HSDX, không cần thiết giải thích lý do đối với Nhà cung cấp không được lựa chọn.

Đối với Nhà cung cấp được lựa chọn, thông báo sẽ ghi rõ thời gian, địa điểm tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng kèm theo dự thảo hợp đồng (nếu có).

5.6. Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng

Việc thương thảo, hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng trên cơ sở kết quả lựa chọn NCC được duyệt, HSYC, HSDX của Nhà cung cấp được lựa chọn và dự thảo hợp đồng (nếu có)

5.7. Xử lý vi phạm

Trường hợp Nhà cung cấp có các hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý căn cứ theo quy định của Luật Đấu thầu và các quy định pháp luật khác liên quan

5.8. Các biểu mẫu

- Mẫu số 1: Đơn chào giá
- Mẫu số 2: Giấy ủy quyền
- Mẫu số 3: Biểu giá chào
- Mẫu số 4: Báo cáo thực hiện hợp đồng tương tự
- Mẫu số 5: Biên bản cam kết

ĐƠN CHÀO GIÁ

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Ghi tên Bên mời chào giá*]

(Sau đây gọi là *Bên mời chào giá*)

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi Hồ sơ yêu cầu (nếu có) số ____ [*Ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên Nhà cung cấp*], cam kết thực hiện gói hàng hóa/dịch vụ ____ [*Ghi tên gói HHDV*] theo đúng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ*] cùng với biểu giá kèm theo.

Nếu Hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp dịch vụ theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày [*Ghi số ngày*], kể từ ____ giờ, ngày ____ tháng ____ năm ____ [*Ghi thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất*].

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp⁽¹⁾

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này. Trường hợp tại Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký Đơn chào giá thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này). Trước khi ký kết hợp đồng, Nhà cung cấp trúng chào giá phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì Nhà cung cấp bị coi là vi phạm khoản 2 Điều 12 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại Mục 5.7 HSYC này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên Nhà cung cấp*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của Nhà cung cấp*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào giá gói dịch vụ ____ [*Ghi tên gói hàng hóa/dịch vụ*] do ____ [*Ghi tên Bên mời chào giá*] tổ chức:

[- Ký đơn chào giá;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời chào giá trong quá trình tham gia chào giá, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với Bên mời chào giá/Chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên Nhà cung cấp*]. ____ [*Ghi tên Nhà cung cấp*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]*

Người ủy quyền

*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật
của Nhà cung cấp, chức danh, ký tên và
đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc Giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời chào giá cùng với Đơn chào giá theo quy định tại Điểm b Mục 5.1.1. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của Nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp dịch thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của Nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định, bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của Giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia Chào giá.

BIỂU GIÁ CHÀO

1. Nội dung cung cấp

TT	Hạng mục	Chi tiết	Đơn giá	Đơn vị tính	Số lượng	Thành tiền/ tháng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(6)
1.						
2.						
...	...					
Tổng chi chi trước VAT						
Tổng chi phí đã bao gồm VAT						
Tổng thanh toán sau VAT (VND)						

(Mức thuế VAT có thể thay đổi theo quy định hiện hành tại thời điểm xuất hóa đơn)

2. Giá trị giảm giá (nếu có).

3. Cam kết của Nhà cung cấp về đáp ứng đầy đủ các yêu cầu cung cấp hàng hóa/dịch vụ theo đúng Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật quy định tại Mục 4.2 HSYC hoặc Nhà cung cấp chào cụ thể các tiêu chí yêu cầu theo quy định tại Mục 4.2.

4. Nhà cung cấp được khuyến khích đưa ra các điều kiện khác có lợi cho bên thứ ba thụ hưởng hàng hóa/dịch vụ (nếu có). Bên mời chào giá sẽ xem xét các nội dung này khi đánh giá HSDX của Nhà cung cấp theo quy định tại Mục 5.3.4 Điểm b.

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BÁO CÁO HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN

Về sản xuất/cung cấp hàng hóa/dịch vụ tương tự trong ... năm gần đây

Tên Nhà cung cấp: _____

STT	Tên và số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Tên đối tác ký hợp đồng	Địa chỉ đối tác	Điện thoại /fax/email của đối tác	Giá trị hợp đồng (VND)
1						
2						
3						

BIÊN BẢN CAM KẾT

1. CÁC YÊU CẦU QUAN TRỌNG KHÁC

STT	Yêu cầu kỹ thuật	Mô tả chi tiết	Mức độ đáp ứng
1			<i>Cam kết đáp ứng/Không cam kết</i>
2			
3			

Phụ lục 1: Yêu cầu kỹ thuật

STT	Yêu cầu kỹ thuật	Mô tả chi tiết
	Yêu cầu chung:	
A	YÊU CẦU CHUNG	
1.1	Hạ tầng trung tâm dữ liệu của nhà cung cấp dịch vụ phải có ít nhất 03 trung tâm dữ liệu đạt tiêu chuẩn quốc tế Rated 3 - TIA 942 hoặc TIER III Design, có tối thiểu 1 TTDL tại mỗi địa điểm: TP Hồ Chí Minh, TP. Đà Nẵng và TP. Hà Nội	
	Phải đáp ứng toàn diện mong muốn triển khai hạ tầng tài nguyên lớn, riêng biệt cho ứng dụng đặc thù như ERP, E-commerce..., đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn thông tin ISO 27001, 27017, PCI DSS	
	Có khả năng khởi tạo nhanh chóng: cung cấp dưới dạng gói dịch vụ bao gồm tài nguyên ảo hóa tính toán, lưu trữ	
	Hạ tầng cung cấp dịch vụ điện toán đám mây phải đạt tiêu chuẩn ATTT cấp độ 3 theo hướng dẫn Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT của Bộ Khoa học công nghệ.	
	Dịch vụ Kubernetes: cho phép triển khai, vận hành các ứng dụng Container	
1.2	Kết nối mạng: - Cho phép tự khởi tạo/ thiết lập các VPC/ Subnet/ IP theo nhu cầu - Cam kết băng thông kết nối VM to VM: 10GB - Kết nối tối thiểu 500 Mbps trong nước, 10 Mbps quốc tế - Hỗ trợ tính năng Loadbalancer	
1.3	Bảo mật: - Cho phép tự khởi tạo/ thiết lập các chính sách Security Group cho từng VM theo nhu cầu (Inbound/Outbound) - Mặc định hỗ trợ Firewall Layer 4 tích hợp ở giao diện Cloud Portal	
1.4	Máy chủ ảo hóa/ Lưu trữ: - Xung nhịp CPU VM tối thiểu 2.1 Ghz hoặc tương đương - Có khả năng cung cấp VM với cấu hình 64 vCPU/VM - Ổ cứng lưu trữ tương đương SSD - Dung lượng ổ cứng cho mỗi VM có	

STT	Yêu cầu kỹ thuật	Mô tả chi tiết
	khả năng mở rộng lên đến 32TB/1 ổ - Tài nguyên phần cứng (CPU, RAM, Disk) có khả năng mở rộng (Scale Up/ Scale Out)	
1.5	Độ sẵn sàng của dịch vụ: - Yêu cầu dịch vụ đáp ứng sẵn sàng tối thiểu 99.99% - Cam kết SLA support từ 2-4 giờ (24/7)	
B	YÊU CẦU KỸ THUẬT CHI TIẾT	
I	Dịch vụ điện toán đám mây (Cloud)	
1	Yêu cầu tính năng quản trị	Cho phép chủ động khởi tạo, nâng cấp, xóa các máy chủ ảo, các ảnh chụp (snapshot)
		Hỗ trợ các tính năng cơ bản: tắt, mở; đổi tên máy; console, reset mật khẩu của Guest OS
		Có khả năng giám sát tài nguyên hệ thống (CPU, RAM, Disk) các máy chủ ảo
		Cho phép chủ động thiết kế, cấu hình sơ đồ mạng ảo của hệ thống: Phân chia zone (DMZ, APP, DB..), IP/Subnet...
		Đảm bảo quản trị người dùng: hỗ trợ cơ chế chứng thực: OIDC, quản lý, phân quyền truy cập cho user quản trị, thiết lập các dịch vụ, kiểm soát nhật ký, sự kiện
		Giao diện quản trị cho phép xem và console được những máy chủ trong từng vùng quản lý
2	Yêu cầu tài nguyên	
2.1	Database server	vCPU: 16 core RAM (GB): 64 GB Storage - SSD (GB): 700 GB
2.2	Database server (UAT)	vCPU: 12 core RAM (GB): 24 GB Storage - SSD (SSD): 300 GB
2.3	Application server	vCPU: 12 core RAM (GB): 48 GB Storage - SSD (SSD): 250 GB
2.4	Web server	vCPU: 12 core RAM (GB): 32 GB Storage - SSD (SSD): 250 GB
2.5	Mobile Gateway server	vCPU: 24 core RAM (GB): 56 GB Storage - SSD (SSD): 500 GB
2.6	AD Server	vCPU: 16 core RAM (GB): 32 GB Storage - SSD (SSD): 500 GB
2.7	Connector / Reporting server	vCPU: 12 core RAM (GB): 24 GB Storage - SSD (SSD): 300 GB

STT	Yêu cầu kỹ thuật	Mô tả chi tiết
2.8	IPv4	Số lượng IPv4: 10
II	Dịch vụ backup	
1	Yêu cầu tính năng	
	Loại thiết bị hỗ trợ sao lưu	Hỗ trợ : Physical server, Virtual server, PC/laptop
	Chức năng sao lưu	Hỗ trợ tạo bản sao lưu cấp độ hình ảnh của máy ảo, vật lý, đám mây và sao lưu các tệp chia sẻ NAS
		Hỗ trợ tạo bản sao chính xác của VM và duy trì bản sao đồng bộ với VM gốc
		Hỗ trợ lưu trữ bản sao của các bản sao lưu trong thiết bị băng từ
	Chức năng khôi phục	Hỗ trợ kiểm tra các bản sao lưu và bản sao VM trước khi khôi phục
		Hỗ trợ sao lưu và khôi phục máy ảo bằng cách sử dụng khả năng của ảnh chụp nhanh gốc được tạo trên hệ thống lưu trữ
	Giải pháp hỗ trợ chống lại các mối đe dọa bảo mật bên trong và bên ngoài, bao gồm các cuộc tấn công của Ransomware	Có
2	Yêu cầu dung lượng	
	Số lượng máy chủ sao lưu	8 VM
	Dung lượng lưu trữ \geq	2600 GB
III	Dịch vụ an ninh thông tin (Security)	
1	Yêu cầu chung	
	Hãng cung cấp giải pháp tường lửa phải nằm trong Top Leader Gartner Magic Quadrant for Network Firewalls ít nhất 1 lần từ năm 2022 đến hiện tại	
	Giải pháp được cung cấp dưới dạng virtual-appliance, sẵn sàng triển khai trên hạ tầng đám mây	
2	Yêu cầu tính năng	
2.1	Tường lửa mặt ngoài	
2.1.1	Số lượng	2
2.1.2	Thông lượng tường lửa (App-ID) \geq	2,8 Gbps
2.1.3	Threat Prevention Throughput \geq	1,2 Gbps
2.1.4	IPsec VPN Throughput \geq	1 Gbps
2.1.5	Tính năng bảo mật	Hỗ trợ IPsec VPN Site-to-Site
		Hỗ trợ nhận dạng ứng dụng
		Hỗ trợ nhận dạng người dùng
		Lọc file và dữ liệu cơ bản
		Hỗ trợ cấu hình bảo vệ lỗ hổng bảo mật Vulnerability Protection
2.2	Tường lửa mặt trong	
2.2.1	Số lượng	2
2.2.2	Thông lượng tường lửa thế hệ mới – NGFW Throughput \geq 1,3 Gbps	1,2 Gbps

STT	Yêu cầu kỹ thuật	Mô tả chi tiết
2.2.3	Threat Prevention Throughput \geq 0.9 Gbps	0,9 Gbps
2.2.4	IPsec VPN Throughput \geq 1.6 Gbps	1,5 Gbps
2.2.5	Tính năng bảo mật	Hỗ trợ tính năng kiểm soát ứng dụng Application Control
		Tính năng ngăn chặn xâm nhập IPS (Intrusion Prevention System)
		Ngăn chặn mã độc – AMP (Anti-Malware Protection)
		Ngăn chặn mã độc nâng cao – Advanced Malware Protection (Antivirus, Mobile Malware/ Botnet/ CDR – Content Disarm & Reconstruction/ Virus Outbreak Protection)
IV	Phần mềm và các dịch vụ khác	
1	Dịch vụ mua bổ sung vCPU	260 core
2	Dịch vụ mua bổ sung RAM (GB)	750 GB
3	Dịch vụ mua bổ sung SSD(GB)	700 GB
4	Dịch vụ Object Storage (GB)	5500 GB
5	Dịch vụ bảo vệ website (website application firewall)	
5.1	Số lượng website bảo vệ:	2
5.2	Hỗ trợ chống các loại tấn công thuộc Top 10 lỗ hổng bảo mật web phổ biến nhất theo tiêu chuẩn OWASP	Có
5.3	Thông lượng chống tấn công DDoS tầng mạng (DDoS L4) tối thiểu	1 Gbps
5.4	Tính năng quản trị	Quản lý danh sách IP Blacklist/Whitelist
		Giám sát sự kiện tấn công (WAF, DDoS L7)
		Hỗ trợ điện thoại, chat, email và ticket
6	Dịch vụ kênh truyền	
	Dịch vụ MPLS có băng thông \geq	10Mb
	Số lượng	1
7	Phần mềm Windows Server	
	Phiên bản	Windows Server 2025 Standard - 16 Core License Pack
	Số lượng	10 license
8	Phần mềm SQL Server	
	Phiên bản	SQL Server 2022 Standard Edition
	Số lượng	5 license
V	Dịch vụ vận hành khai thác cloud	
1	Số lượng máy VM vận hành khai thác	10 VM
2	Yêu cầu giám sát hệ thống	Giám sát hệ thống liên tục 24/7, kịp thời nhận biết các sự kiện xuất hiện trên hệ thống. Giám sát hiệu năng của máy chủ (CPU, RAM, HDD, IOPS)
		Giám sát chủ động đối với các hệ thống đang thực hiện tác động, đang có sự cố hoặc có yêu cầu
3	Cảnh báo	Thông báo cảnh báo/sự cố, thời gian xuất hiện, qua các công cụ thống nhất (email, SMS, OTT, gọi điện)